

2024青苗乒乓球區際錦標賽 - 名單及種子

男 A				
人數	姓名 + 分區	目前積分	種子	備註
1	葉逸朗 TM	141	1	
2	梁子康 ST	113	2	
3	陳鈺嵐 TP	106	3	
4	文嘉傑 TM	99	4	
5	黃智燊 WC	95	5	
6	鄧正楠 TW	93	6	
7	董緒正 HMT	87	7	
8	梁顯延 HMT	84	8	
9	謝禮禧 CW	80	9	
10	蔡宗恒 HMT	75	10	
11	張焯昇 HMT	72	11	
12	區領謙 TW	65	12/13	區領謙、姚政言排名相同。抽籤後，姚政言列第12號種子。
13	姚政言 TW	65	12/13	
14	鄭匯霖 CW	55		
15	湯曜榮 TP	53		
16	陳文廷 TP	52		
17	鄭禧朗 HMT	50		
18	郭皓然 WC	49		
19	呂顯穎 TW	47		
20	范希諾 TP	43		
21	曾仲勤 CW	43		
22	鍾旻熹 CW	41		
23	陸彥光 CW	40		
24	林逸恆 ST	36		
25	屈子力 KT	36		
26	劉祉皓 KT	34		
27	張膺辰 TW	33		
28	劉瑋迅 WC	31		
29	朱朗堯 KT	30		
30	陳梓煥 WC	28		
31	梁柏晞 WC	28		
32	倫希樂 KT	28		
33	梁承熙 TP	24		
34	鄭健森 TM	24		
35	梁學懿 TW	23		
36	蔡德熹 WC	22		
37	冼孝明 ST	18		
38	劉譚陽 TM	16		
39	范逸楠 TM	14		
40	黃凱傑 ST	14		
41	姚信宏 TP	12		
42	施朗逸 CW	11		
43	陳昭煒 KT	9		
44	趙康晟 TP	8		
45	曾維一 HMT	6		
46	梁賢智 ST	5		
47	張懿樂 KT	5		
48	左梓廷 TP	3		
49	鄧顯軒 TP	-		
50	王柏朗 TM	-		
51	冼卓劭 ST	-		

2024青苗乒乓球區際錦標賽 - 名單及種子

男 B				
人數	姓名 + 分區	目前積分	種子	備註
1	羅焯桐 TW	242	1	
2	耿卓 ST	226	2	
3	許鉅樟 HMT	221	3/4	許鉅樟、潘承晉排名相同。抽籤後，許鉅樟列第3號種子。
4	潘承晉 KT	221	3/4	
5	關北晨 WC	208	5	關北晨已退出比賽。
6	歐朗然 TW	195	6	
7	林逸曦 HMT	194	7	
8	陳上正 ST	188	8	
9	黃敬峰 CW	180	9	
10	簡瑋嶠 ST	170	10	
11	王鈺皓 HMT	157	11	
12	江睿軒 TM	150	12	
13	陳暉喬 TP	143		
14	黃柏駱 HMT	142		
15	江義尊 TP	132		
16	廖焯言 ST	132		
17	鄧卓灝 TM	127		
18	林逸哲 KT	126		
19	丘浚賢 WC	125		
20	黃添 WC	122		
21	韓世庭 TW	117		
22	陳至洲 HMT	115		
23	謝家軒 CW	112		
24	李健濤 KT	108		
25	劉嘉煒 CW	107		
26	張靖然 ST	106		
27	謝禮謙 CW	103		
28	李瀚林 CW	100		
29	余卓賢 TP	98		
30	譚智曦 KT	86		
31	羅梓康 ST	83		
32	杜晞維 TM	82		
33	余柏賢 WC	70		
34	陳正軒 TW	67		
35	陳熹霖 WC	67		
36	梁凱傑 TW	62		
37	黃宇駿 TM	61		
38	李易謙 WC	57		
39	楊正堯 KT	49		
40	石文迪 TP	38		
41	梁峻諾 WC	34		
42	楊正朗 KT	34		
43	田尚民 TP	32		
44	鍾汶諺 TM	31		
45	黃天諾 TM	27		
46	吳卓言 TP	26		
47	黃浚希 TM	22		
48	黃政熙 TW	8		

2024青苗乒乓球區際錦標賽 - 名單及種子

女 A				
人數	姓名 + 分區	目前積分	種子	備註
1	龐雅尤 HMT	145	1	
2	簡塏橋 HMT	143	2	
3	金子悅 WC	140	3	
4	謝依樺 CW	117	4	
5	張靖晞 ST	106	5	
6	林心妍 WC	102	6	
7	尹苟堯 ST	90	7	
8	呂紫喬 TM	82	8	
9	喬心然 WC	79	9	
10	伍趣柔 ST	78	10	
11	嚴鎧瑤 HMT	73	11	
12	關紫琳 CW	69		
13	譚芷盈 CW	67		
14	李立宜 KT	58		
15	萬庭希 TP	46		
16	黃綽盈 HMT	43		
17	黃遵伊 WC	43		
18	屈子芷 KT	43		
19	郭昱彤 TM	41		
20	蔣佩柔 HMT	39		
21	張茗涵 TW	38		
22	李欣瑩 WC	38		
23	許雅恩 KT	38		
24	謝侃頤 CW	37		
25	劉昊恩 TP	35		
26	陳桃之 TW	29		
27	邵婧雯 CW	28		
28	劉千羽 TW	25		
29	周潔綺 TW	24		
30	包杏千 TP	23		
31	譚靜琳 KT	19		
32	朱紫彤 CW	13		
33	劉祉君 TW	12		
34	張泳韞 TM	9		
35	連希晨 ST	9		
36	何菁頌 TW	7		
37	朱凱滢 KT	7		
38	黃思穎 WC	6		
39	溫敏怡 ST	4		
40	林芯蕾 TM	-		
41	梁翹 TM	-		
42	楊玥欣 TM	-		
43	李睿祺 ST	-		
44	莊栢桐 KT	-		

2024青苗乒乓球區際錦標賽 - 名單及種子

女 B				
人數	姓名 + 分區	目前積分	種子	備註
1	葉蔚施 WC	378	1	
2	譚芷嫣 CW	276	2	
3	萬芊希 TP	257	3	
4	林永臻 HMT	231	4	
5	劉珮霖 TP	198	5/6	劉珮霖、關洛昕排名相同。抽籤後，劉珮霖列第5號種子。
6	關洛昕 HMT	198	5/6	
7	盧樂兒 TW	191	7	
8	朱芷洛 WC	181	8	
9	張彥楠 TM	165	9	
10	林君妍 WC	164	10	
11	郭盈 KT	162	11	
12	黃焮瞳 WC	161	12	
13	張焯茵 TM	156	13	
14	林天悅 TP	144		
15	張懿德 KT	138		
16	耿悅 ST	129		
17	吳苑鈺 TP	124		
18	鄂寧楚格 TP	123		
19	陳以晴 KT	118		
20	江希兒 ST	116		
21	陳映月 TW	105		
22	劉于僑 ST	100		
23	余齡 KT	96		
24	陳祉霖 KT	95		
25	梁靖彤 TW	94		
26	梁可遊 TW	92		
27	周鈺涵 TM	90		
28	陳明妍 HMT	87		
29	盧心兒 TW	87		
30	陳明萱 HMT	85		
31	何芯悠 ST	85		
32	陸曉諭 TM	76		
33	鍾焯淋 TW	63		
34	梁婉桐 KT	60		
35	王感恩 TW	58		
36	陳沛柎 ST	57		
37	尹沛琳 TP	55		
38	梁曉嵐 TW	53		
39	陳芷瑩 WC	53		
40	李盈希 CW	52		
41	劉子嘉 CW	52		
42	岑樂思 TM	50		
43	呂宛蕎 ST	49		
44	李聿喬 WC	45		
45	蔡沛恩 CW	42		
46	李可晴 WC	31		
47	曾樂妍 CW	20		
48	譚紀晴 TM	-		
49	歐愷昕 HMT	-		
50	王心怡 HMT	-		
51	余晞彤 CW	-		
52	郭泳霆 KT	-		